

PHÂN TÍCH LỢI NHUẬN DƯỚI GÓC ĐỘ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ TRONG CÁC DOANH NGHIỆP

▣ THS. ĐỖ THỊ PHƯƠNG*

Lợi nhuận là kết quả cuối cùng của mọi hoạt động, là mục tiêu phấn đấu của các doanh nghiệp (DN). Vì vậy, việc phân tích lợi nhuận sẽ đánh giá được hiệu quả của từng hoạt động, từng khâu trong quá trình hoạt động, hoặc tìm ra những nguyên nhân, những nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của DN. Tuy nhiên, việc phân tích lợi nhuận trong các DN hiện mới dừng ở góc độ kế toán tài chính mà chưa đi sâu phân tích dưới góc độ kế toán quản trị.

Phân tích lợi nhuận (PTLN) dưới góc độ kế toán quản trị (KTQT) là phân tích, xem xét mối quan hệ giữa các nhân tố giá bán, sản lượng (SL), chi phí cố định, chi phí biến đổi và sự tác động của chúng đến lợi nhuận của DN. Từ việc phân tích này sẽ giúp nhà quản lý khai thác tiềm năng của DN, là cơ sở cho việc ra các quyết định lựa chọn hay quyết định điều chỉnh về sản xuất kinh doanh như giá bán, chi phí (CP), SL... nhằm tăng lợi nhuận cho DN. Điều kiện cơ bản để thực hiện phân tích lợi nhuận dưới góc độ KTQT là phải có hệ thống thông tin do KTQT cung cấp, trong đó, CP hoạt động kinh doanh của DN được phân loại thành định phí và biến phí.

PTLN dưới góc độ KTQT được xem xét trên các nội dung chủ yếu sau:

Số dư đảm phí (Contribution margin)

Số dư đảm phí là phần chênh lệch giữa doanh thu với phần biến phí của nó. Số dư đảm phí có thể được xác định cho mỗi đơn vị sản phẩm (SP), cho từng loại SP hoặc tổng hợp cho tất cả các loại SP tiêu thụ khác nhau.

+ *Số dư đảm phí đơn vị SP*: là số chênh lệch giữa giá bán đơn vị với biến phí đơn vị SP:

$$Sđp = P - V$$

Trong đó:

Sđp: Số dư đảm phí đơn vị SP

P: Giá bán đơn vị sản phẩm

V: Biến phí đơn vị SP

+ *Số dư đảm phí của từng loại SP*:

$$Si = Qi \times Sđpi$$

Trong đó:

Sđpi: Số dư đảm phí đơn vị của loại SP i

Si: Tổng số dư đảm phí của loại SP i

Qi: SL SP i tiêu thụ

i: Loại SP

+ *Tổng số dư đảm phí của tất cả các loại SP khác*:

S = Tổng doanh thu - Tổng biến phí của tất cả các loại SP

Hay:

$$S = \sum_{i=1}^n PiQi - \sum_{i=1}^n ViQi = \sum_{i=1}^n Qi (Pi - Vi)$$

Hoặc:

$$S = \sum_{i=1}^n Qi \times Sđpi$$

Từ đó tổng lợi nhuận của DN được xác định như:

$$LN = S - F$$

Trong đó:

S: Tổng số dư đảm phí

F: Tổng định phí

LN: Lợi nhuận

Pi: Giá bán đơn vị loại SP i

Vi: Biến phí đơn vị loại SP i

Qi: SL tiêu thụ của loại SP i

Từ phương trình xác định LN trên, tổng số dư đảm phí trước hết dùng để trang trải toàn bộ định phí, phần còn lại là lợi nhuận của DN. Ngược lại, nếu tổng số dư đảm phí không đủ bù đắp định phí thì phần thiếu hụt đó là số lỗ của DN. Bên cạnh đó, nếu định phí là đại lượng ổn định với giả thiết trong một quy mô hoạt động nhất định, muốn tối đa hóa lợi nhuận, cần phải tối đa hóa tổng số dư đảm phí.

Nếu hiệu số của phương trình trên = 0, DN hoà vốn.

Nếu hiệu số lớn hơn 0, DN có lãi.

Nếu hiệu số nhỏ hơn 0, DN lỗ.

*Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội

Như vậy, sau điểm hoà vốn, cứ mỗi đơn vị SP hàng hoá tiêu thụ tăng thêm sẽ đưa lại cho DN một khoản lợi nhuận chính bằng số dư đảm phí của đơn vị SP đó. Từ đó, tổng lợi nhuận của DN có thể xác định như sau :

$$LN = \sum_{i=1}^n Q_{vhi} \times Sdpi$$

Hay:

$$LN = \sum_{i=1}^n (Q_i - Q_h) \times Sdpi$$

Trong đó :

Q_{vhi} : SL vượt điểm hoà vốn của loại SP i

Q_i : SL tiêu thụ của loại SP i

Q_h : SL hoà vốn của loại SP i

$Sdpi$: Số dư đảm phí đơn vị SP i

- *Tỷ lệ số dư đảm phí*: là tỷ số giữa số dư đảm phí với doanh thu tiêu thụ SP và có thể xác định cho mỗi đơn vị SP, từng loại SP hoặc nhiều loại SP khác nhau:

$$Sdp\% \text{ đơn vị sản phẩm} = (S_{dp} / P) \times 100$$

Tỷ lệ số dư đảm phí từng loại sp được xác định như sau:

$$Sdp\% \text{ của loại sản phẩm } i = (S_i / DT_i) \times 100$$

Hay:

$$Sdp\% \text{ của loại sản phẩm } i = [(Q_i \times Sdpi) / PiQi] \times 100$$

Trong đó:

$Sdp\%$: Tỷ lệ số dư đảm phí

P_i : Giá bán đơn vị SP i

Q_i : SL tiêu thụ của SP i

DT_i : Tổng doanh thu của SP i

Ta biết:

$$LN = \sum_{i=1}^n (Q_i - Q_h) \times Sdpi$$

Có thể biến đổi như sau :

$$LN = \sum_{i=1}^n Pi (Q_i - Q_h) \times Sdpi / Pi$$

Hay:

$$LN = \sum_{i=1}^n Pi (Q_i - Q_h) \times Sdp\% \text{ đơn vị sản phẩm } i$$

Trường hợp DN sản xuất nhiều loại SP khác nhau, tỷ lệ số dư đảm phí được tính bình quân cho các loại SP:

$$Sdp\% \text{ bình quân của các loại SP} = \frac{\text{Số dư đảm phí của các loại SP}}{\text{Doanh thu của các loại SP}} \times 100$$

Hoặc :

$$Sdp\% \text{ bình quân của các loại SP} = \frac{\sum_{i=1}^n Qi \times Sdpi}{\sum_{i=1}^n PiQi} \times 100$$

Từ công thức trên, cho thấy số dư đảm phí thể hiện trong 100 đồng doanh thu tiêu thụ SP thì có bấy nhiêu đồng số dư đảm phí. Tỷ lệ càng cao thì lợi nhuận của DN càng lớn. Nếu DN đã sản xuất khối lượng SP hay doanh thu bán hàng đã vượt qua điểm hoà vốn thì tỷ lệ tăng của số dư đảm phí cũng chính là mức tăng lên của lợi nhuận.

Đối với các DN có nhiều dây chuyền sx, sx nhiều loại SP (dệt may, giấy da, cơ khí...) trong các điều kiện sản xuất giống nhau, việc sử dụng tỷ lệ số dư đảm phí cho phép nhà quản lý xác định được khả năng sinh lời của từng loại SP một cách dễ dàng.

Cơ cấu SP tiêu thụ

Cơ cấu SP tiêu thụ của DN là tỷ trọng doanh thu của từng SP tiêu thụ chiếm trong tổng số doanh thu của tất cả các SP tiêu thụ trong kỳ kinh doanh.

Việc phân tích cơ cấu SP tiêu thụ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Bởi vì, nếu SP tiêu thụ có giá trị lớn chiếm tỷ trọng càng cao thì tổng doanh thu của DN càng nhiều. Mặt khác, do mỗi loại SP của DN có tỷ lệ số dư đảm phí và số dư đảm phí đơn vị SP khác nhau nên khi cơ cấu SP thay đổi sẽ làm cho tỷ lệ số dư đảm phí bình quân và số dư đảm phí bình quân đơn vị SP cũng thay đổi theo. Sự thay đổi này sẽ ảnh hưởng đến lợi nhuận của DN. Do vậy, nhà quản lý cần phải biết lựa chọn cơ cấu SP tiêu thụ hợp lý để tăng lợi nhuận cho DN.

Từ cơ cấu SP tiêu thụ, có thể xác định được tỷ lệ

số dư đảm phí bình quân và số dư đảm phí bình quân đơn vị SP của các loại SP như sau :

$$\text{Sđp\% BQ của các loại SP} = \sum_{i=1}^n \text{Sđp \% của SP}_i \times K_i$$

$$\text{Sđp BQ của các loại SP} = \sum_{i=1}^n \text{Sđp}_i \times K_i$$

Trong đó :

K_i là cơ cấu tiêu thụ của SP i , được xác định như sau :

$$K_i = \frac{\text{Doanh thu của SP } i}{\text{Tổng doanh thu của các loại SP}} = \frac{P_i Q_i}{\sum_{i=1}^n P_i Q_i}$$

Phân tích điểm hoà vốn

Điểm hoà vốn là điểm mà tại đó doanh thu tiêu thụ SP bằng với CP hoạt động SXKD mà DN đã bỏ ra. Phân tích điểm hoà vốn giúp nhà quản lý xem xét quá trình kinh doanh một cách chủ động và tích cực, xác định rõ thời gian hay mức sản xuất và tiêu thụ hoà vốn. Từ đó, có các giải pháp để hoạt động SXKD của DN đạt hiệu quả kinh doanh cao. Ngoài ra, phân tích điểm hoà vốn còn giúp nhà quản lý dự kiến được lợi nhuận để đưa ra các quyết định ngắn hạn nhằm khai thác tối đa các yếu tố SXKD để đạt được các mục tiêu của DN.

Phương pháp xác định điểm hoà vốn:

- Trường hợp DN sản xuất một loại SP :

$$\text{Sản lượng hoà vốn } (Q_h) = \frac{F}{P - V}$$

Hoặc :

$$Q_h = \frac{F}{S_{dp}}$$

$$\text{Doanh thu hoà vốn } (DT_h) = P \times Q_h = \frac{F}{S_{dp} \%}$$

- Trường hợp DN sản xuất nhiều loại SP khác nhau, xác định điểm hoà vốn được thực hiện như sau:

Bước 1 : Xác định doanh thu hoà vốn chung của

các loại SP (DT_h)

$$DT_h = \frac{F}{\text{Sđp \% BQ của các loại SP}}$$

Bước 2 : Xác định cơ cấu SP tiêu thụ K_i (công thức đã nêu ở trên)

Bước 3 : Xác định doanh thu hoà vốn của từng SP (DT_{hi})

$$DT_{hi} = DT_h \times K_i$$

Bước 4 : Xác định SL hoà vốn của từng SP (Q_{hi})

$$Q_{hi} = DT_{hi} : P_i$$

* *Xác định khối lượng để đạt được lợi nhuận theo mong muốn*: Các DN cần phải xem xét để đạt được lợi nhuận theo mong muốn thì cần phải đạt khối lượng là bao nhiêu?

$$\text{Khối lượng để đạt được lợi nhuận mong muốn} = \frac{\text{Tổng định phí} + \text{Lợi nhuận mong muốn}}{\text{Giá bán đơn vị} - \text{Biến phí đơn vị}}$$

Việc xác định khối lượng để đạt được lợi nhuận theo mong muốn, cần phân biệt thành hai trường hợp sau: Trường hợp 1, DN sản xuất một mặt hàng, việc xác định khá đơn giản theo công thức nêu trên, DN không phải phân bổ định phí cho từng mặt hàng; Trường hợp 2, doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh nhiều mặt hàng, việc phân bổ định phí cho từng mặt hàng khá phức tạp nên người ta thường xác định doanh thu bán hàng chung của cả DN để đạt được lợi nhuận theo mong muốn. Trình tự tính toán như sau:

Bước 1: Xác định tổng doanh thu chung của tất cả các mặt hàng để đạt được lợi nhuận theo mong muốn:

$$\text{Doanh thu để đạt được lợi nhuận mong muốn} = (\text{Tổng định phí} + \text{Lợi nhuận mong muốn}) / (1 - \text{Tỷ trọng tổng biến phí trên tổng DT})$$

Bước 2: Xác định tỷ trọng doanh thu của từng mặt hàng MH theo SL hoạt động ở mức công suất tối đa:

$$\text{Tỷ trọng DT hoạt động của mặt hàng } i (MHi) = (\text{Doanh thu hoạt động của MH } i / \text{Doanh thu hoạt động của tất cả các MH}) \times 100$$

Bước 3: Xác định doanh thu và khối lượng SP để đạt được lợi nhuận theo mong muốn của từng mặt hàng.

- DT của MHi để đạt được LN theo mong muốn = Tỷ trọng DT HD của MHi_(x) Tổng doanh thu của tất cả các MH để đạt được LN theo mong muốn

- Khối lượng của MHi để đạt được LN theo mong muốn = Doanh thu của MHi để đạt được LN theo mong muốn / Giá bán MHi

Xác định khối lượng tiêu thụ cần thiết để đạt được mức lợi nhuận theo mong muốn là một nội dung phân tích rất quan trọng trong quản trị DN, giúp DN chủ động trong điều hành các chính sách bán hàng, quản lý khối lượng SP sản xuất và tiêu thụ, hoạch định kế hoạch trong ngắn hạn. ■

Tài liệu tham khảo:

1. PGS.TS Nguyễn Năng Phúc (2007), KTQT DN, NXB Tài chính, Hà Nội
2. Trường Đại học Tài chính - Kế toán Hà Nội (1999), KTQT, NXB Tài chính, Hà Nội
3. Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (2004), Giáo trình KTQT, NXB Tài chính, Hà Nội
4. PGS.TS Ngô Thế Chi (1999), KTQT và các tình huống cho nhà quản lý, NXB Thống kê, Hà Nội
5. Đào Văn Tài, Võ Văn Nhị, Trần Anh Hoa (2003), Kế toán quản trị áp dụng cho các DN Việt Nam, NXB Tài chính, Hà Nội

(Tiếp theo trang 49)

muốn kinh doanh mà gửi tiền vào NHTM lợi hơn. Nhiều DN kinh doanh trì trệ do thiếu vốn mà không vay, vì lãi suất cho vay của NHTM quá cao.

Đầu năm 2008, Thống đốc NHNN Việt Nam đề nghị UBTV Quốc hội sửa Khoản 1, Điều 476, Bộ Luật dân sự năm 2005. UBTV Quốc hội không chấp nhận, vì Khoản 12, Điều 9, Luật NHNN là cơ sở cho Khoản 1, Điều 476, Bộ Luật dân sự năm 2005. Như vậy, Khoản 1, Điều 476, Bộ Luật dân sự năm 2005, áp dụng khi bên cho vay không phải là NHTM. Lãi suất huy động vốn và lãi suất cho vay phải dựa vào lãi suất cơ bản của NHNN Việt Nam.

Khoản 1, Điều 1, Quyết định 16/2008/QĐ-NHNN ngày 16/5/2008 của Thống đốc NHNN Việt Nam về cơ chế điều hành lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam, viết: “Các tổ chức tín dụng ấn định lãi suất kinh doanh (lãi suất huy động, lãi suất cho vay) bằng đồng Việt Nam đối với khách

hàng không vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố để áp dụng trong từng thời kỳ”. NHNN Việt Nam soạn thảo Quyết định trên không rõ ràng, nên giám đốc chi nhánh Ngân hàng NN&PTNT huyện Gia Lâm (Hà Nội) huy động vốn ngắn hạn với lãi suất 21%/năm.

Từ ngày thành lập Ngân hàng quốc gia (6/5/1951), nay là NHNN Việt Nam, lãi suất cho vay, gồm: lãi suất cho vay ngắn hạn, lãi suất cho vay trung dài hạn, lãi suất nợ quá hạn. Lãi suất nợ quá hạn của hai loại cho vay trên, bằng 150% lãi suất ghi trong kế ước. Thử hỏi, hiện nay, bên vay đã chịu lãi suất vay bằng 150% lãi suất cơ bản, nếu món vay đó bên vay bị chuyển sang nợ quá hạn, thì lãi suất nợ quá hạn sẽ là bao nhiêu?

Thống đốc NHNN đưa ra lãi suất cơ bản cao, khiến Bộ Tài chính phát hành trái phiếu Chính phủ hoặc trái phiếu công trình và Kho bạc Nhà nước phát hành tín phiếu Kho bạc gặp rất nhiều khó

khăn. Năm 2008, Bộ Tài chính tổ chức đấu thầu trái phiếu Chính phủ nhiều phiên không thành công; tín phiếu Kho bạc Nhà nước hầu như tẻ liệt.

Nước ta lạm phát cao, nhưng mang nội dung trì trệ. Biểu hiện hàng hoá không thiếu, nhưng sức mua của dân chúng giảm, dẫn đến sản xuất đình đốn. Biện pháp chống lạm phát của NHTU chủ yếu bằng tỷ lệ tiền gửi dự trữ bắt buộc cao hay thấp.

Và những kiến nghị

Để nâng cao vị thế của NHTU, Thống đốc NHNN Việt Nam nên điều hành lãi suất cơ bản bằng “khung lãi suất”, trong đó “sàn lãi suất” ở mức 5%/năm; “trần lãi suất” ở mức 8,5%/năm. Nếu làm được như vậy, các thành phần kinh tế sẽ tiếp cận vốn vay từ các tổ chức tín dụng; góp phần tăng trưởng GDP; các NHTM cạnh tranh lãi suất huy động vốn và cho vay trong phạm vi “khung lãi suất”, trong đó có “lãi suất thỏa thuận”. ■